

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

TRUONG THINH ENERGY  
INVESTMENT JOINT STOCK  
COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.:...02.../TB-TTE

Kon Tum, ngày 31 tháng 03 năm 2025  
Kon Tum, date 31 month 03 year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: - The State Securities Commission;  
- The Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh  
Name of the listed company: Truong Thinh Energy Investment Joint Stock Company
2. Mã chứng khoán/ Stock code: TTE
3. Địa chỉ trụ sở chính: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam  
Headquarters address: 507 Duy Tan, Duy Tan ward, Kon Tum city, Kon Tum province, Vietnam
4. Điện thoại/Tel: (0236) 710.9886
5. Website: dientruongthinh.vn
6. Người thực hiện công bố thông tin/Submitted by: Bà/Mrs. Nguyễn Thị Như Hoa
7. Chức vụ/Position: Người được ủy quyền công bố thông tin – Thư ký HĐQT/Person authorized to disclose information – Secretary of the Board of Directors
- Loại hình công bố thông tin/Type of information disclosure:
- |                                              |                                     |                                   |                                       |
|----------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|
| <input checked="" type="checkbox"/> định kỳ  | <input type="checkbox"/> bất thường | <input type="checkbox"/> 24 giờ   | <input type="checkbox"/> theo yêu cầu |
| <input checked="" type="checkbox"/> periodic | <input type="checkbox"/> irregular  | <input type="checkbox"/> 24 hours | <input type="checkbox"/> On request   |

**Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán/*Audited Separate Financial Statements of 2024 and Audited Consolidated Financial Statements of 2024.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày 31/03/2025 tại đường dẫn [www.dientruongthinh.vn](http://www.dientruongthinh.vn).

*This information was published on the company's website on 31/03/2025 at the link [www.dientruongthinh.vn](http://www.dientruongthinh.vn).*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*I commit that the information published above is true and take full responsibility before the law for the content of the information published.*

Trân trọng cảm ơn.

*Sincerely thank you.*

**Tài liệu đính kèm/Attached**

**documents:** Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán/*Audited Separate Financial Statements of 2024 and Audited Consolidated Financial Statements of 2024*

**Đại diện tổ chức/Organization**  
*representative*

**Người UQ CBTT/Person authorized to**  
*release information*



*huoai*  
**NGUYỄN THỊ NHƯ HOA**  
**NGUYEN THI NHU HOA**

**Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng  
Trường Thịnh**

Báo cáo Tài chính riêng cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Tài chính riêng cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

## Mục lục

| Nội dung                                   | Trang |
|--------------------------------------------|-------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc              | 1     |
| Báo cáo Kiểm toán Độc lập                  | 3     |
| Bảng Cân đối Kế toán riêng                 | 5     |
| Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh riêng | 7     |
| Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ riêng           | 8     |
| Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng        | 9     |



# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Tài chính riêng cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

## 1. Thông tin về Công ty

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6101177237 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2014. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh

Nội dung điều chỉnh

Lần 9 ngày 20 tháng 5 năm 2022

Thay đổi người đại diện pháp luật

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 284.904.000.000 đồng.

### 1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty tại số 507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

### 1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty hoạt động chủ yếu các trong lĩnh vực sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (thủy lợi);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác cát, đá và sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước và viễn thông).

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất điện.

### 1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 44 nhân viên (Tại ngày 31.12.2023: 42 nhân viên).

# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Tài chính riêng cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

## 2. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

## 3. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên            | Chức vụ    |
|----------------------|------------|
| Ông Phương Thừa Vũ   | Chủ tịch   |
| Ông Lê Thị Thu Hường | Thành viên |
| Ông Trần Văn Hải     | Thành viên |
| Ông Đinh Xuân Hoàng  | Thành viên |

Thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên           | Chức vụ    |
|---------------------|------------|
| Ông Hoàng Minh Sang | Trưởng ban |
| Bà Lê Thị Hạnh      | Thành viên |
| Bà Phạm Thị Ngân    | Thành viên |

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên           | Chức vụ                            |
|---------------------|------------------------------------|
| Ông Đinh Xuân Hoàng | Tổng Giám đốc                      |
| Ông Nguyễn Văn Quân | Phó Tổng Giám đốc                  |
| Ông Hoàng Hữu Điền  | Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng |

## 4. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

## 4. Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Tôi, Đinh Xuân Hoàng, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, đại diện cho Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán riêng kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



ĐINH XUÂN HOÀNG  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Số: 028/2024/HĐKT-DFKHN-F

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (“Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối Kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến thuyết minh số 25 của báo cáo tài chính. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt tài sản ngắn hạn là khoảng 63,7 tỷ đồng, kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty lỗ 24,8 tỷ đồng, điều này làm cho tổng lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 33 tỷ đồng. Những số liệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đính kèm của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, được trình bày cho mục đích so sánh, đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần như được trình bày trong báo cáo kiểm toán đề ngày 30 tháng 3 năm 2024.



**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**

**PHẠM THẾ HUNG**

**Giám đốc**

*Giấy CN ĐKHN Kiểm toán*

*Số: 0495-2023-042-1*

**VŨ VĂN SANG**

**Kiểm toán viên**

*Giấy CN ĐKHN Kiểm toán*

*Số: 1986-2023-042-1*

**HÀ NỘI**

**Ngày 28 tháng 3 năm 2025**



## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Bảng Cân đối Kế toán riêng  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| Tài sản                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31.12.2024             | 31.12.2023             |
|----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. Tài sản ngắn hạn</b>                   | <b>100</b> |             | <b>17.933.027.032</b>  | <b>241.224.459.864</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>3</b>    | <b>8.406.771.745</b>   | <b>7.918.260.814</b>   |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 8.406.771.745          | 7.918.260.814          |
| <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       | <b>130</b> |             | <b>9.193.855.515</b>   | <b>233.137.738.050</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 4           | 7.495.973.718          | 9.978.392.054          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        |             | 1.175.280.140          | 916.850.439            |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 135        |             | -                      | 4.000.000.000          |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 5           | 522.601.657            | 218.242.495.557        |
| <b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>            | <b>150</b> |             | <b>332.399.772</b>     | <b>168.461.000</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 6           | 332.399.772            | 168.461.000            |
| <b>B. Tài sản dài hạn</b>                    | <b>200</b> |             | <b>622.906.815.230</b> | <b>657.852.179.890</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | <b>53.747.965</b>      | <b>53.747.965</b>      |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 5           | 53.747.965             | 53.747.965             |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>225.637.629.575</b> | <b>242.401.376.433</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 7           | 225.637.629.575        | 242.401.376.433        |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 474.674.732.118        | 474.417.372.118        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (249.037.102.543)      | (232.015.995.685)      |
| <b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>         | <b>250</b> |             | <b>394.911.301.564</b> | <b>412.608.484.070</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                    | 251        | 8           | 234.220.000.000        | 234.220.000.000        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh   | 252        | 9           | 216.000.000.000        | 216.000.000.000        |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn          | 254        | 9           | (55.308.698.436)       | (37.611.515.930)       |
| <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |             | <b>2.304.136.126</b>   | <b>2.788.571.422</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 10          | 2.304.136.126          | 2.788.571.422          |
| <b>Tổng cộng tài sản</b>                     | <b>270</b> |             | <b>640.839.842.262</b> | <b>899.076.639.754</b> |

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Bảng Cân đối Kế toán riêng  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| Nguồn vốn                              | Mã số      | Thuyết minh | 31.12.2024             | 31.12.2023<br>(trình bày lại) |
|----------------------------------------|------------|-------------|------------------------|-------------------------------|
| <b>C. Nợ phải trả</b>                  | <b>300</b> |             | <b>388.894.792.133</b> | <b>622.322.971.778</b>        |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>310</b> |             | <b>81.594.792.133</b>  | <b>350.722.971.778</b>        |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn         | 311        | 11          | 3.030.656.730          | 2.616.455.781                 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 312        |             | 80.899.560             | 80.899.560                    |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313        | 12          | 3.729.095.278          | 5.346.571.677                 |
| 4. Phải trả người lao động             | 314        |             | 473.408.071            | 420.595.730                   |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn           | 315        | 13          | 8.300.020.822          | 8.790.674.335                 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác              | 319        | 14          | 30.142.910.136         | 49.136.405.479                |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn   | 320        | 15          | 35.800.000.000         | 284.293.567.680               |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi           | 322        |             | 37.801.536             | 37.801.536                    |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                  | <b>330</b> |             | <b>307.300.000.000</b> | <b>271.600.000.000</b>        |
| 1. Phải trả dài hạn khác               | 337        | 14          | -                      | 176.100.000.000               |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn    | 338        | 15          | 307.300.000.000        | 95.500.000.000                |
| <b>D. Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>400</b> |             | <b>251.945.050.129</b> | <b>276.753.667.976</b>        |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>410</b> | <b>16</b>   | <b>251.945.050.129</b> | <b>276.753.667.976</b>        |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu              | 411        |             | 284.904.000.000        | 284.904.000.000               |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển               | 418        |             | 32.187.286             | 32.187.286                    |
| 3. Lỗ lũy kế                           | 421        |             | (32.991.137.157)       | (8.182.519.310)               |
| - Lãi/(Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước    | 421a       |             | (8.182.519.310)        | 10.032.482.138                |
| - Lỗ kỳ này                            | 421b       |             | (24.808.617.847)       | (18.215.001.448)              |
| <b>Tổng cộng nguồn vốn</b>             | <b>440</b> |             | <b>640.839.842.262</b> | <b>899.076.639.754</b>        |

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



**ĐINH XUÂN HOÀNG**  
Tổng Giám đốc

**HOÀNG HỮU ĐIỀN**  
Kế toán trưởng

**TRẦN VĂN GIANG**  
Người lập biểu

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| Chỉ tiêu                                         | Mã số | Thuyết minh | 2024             | 2023             |
|--------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|------------------|
| 1. Doanh thu                                     | 01    | 17          | 56.271.673.969   | 64.303.216.363   |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 02    |             | -                | -                |
| 3. Doanh thu thuần                               | 10    |             | 56.271.673.969   | 64.303.216.363   |
| 4. Giá vốn hàng bán                              | 11    | 18,19       | (24.713.748.196) | (24.288.925.376) |
| 5. Lợi nhuận gộp                                 | 20    |             | 31.557.925.773   | 40.014.290.987   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 21    | 20          | 11.001.843.926   | 27.265.807.665   |
| 7. Chi phí tài chính                             | 22    | 21          | (62.782.700.718) | (80.967.235.339) |
| Trong đó: chi phí lãi vay                        | 23    |             | (37.991.261.235) | (44.933.870.077) |
| 8. Chi phí bán hàng                              | 25    |             | -                | -                |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 26    | 22          | (4.067.686.461)  | (4.573.382.862)  |
| 10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | (24.290.617.480) | (18.260.519.549) |
| 11. Thu nhập khác                                | 31    |             | 444.773          | 200.008.000      |
| 12. Chi phí khác                                 | 32    | 23          | (518.445.140)    | (154.489.899)    |
| 13. Lợi nhuận khác                               | 40    |             | (518.000.367)    | 45.518.101       |
| 14. Lợi nhuận kế toán trước thuế                 | 50    |             | (24.808.617.847) | (18.215.001.448) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51    | 12          | -                | -                |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  | 52    |             | -                | -                |
| 17. Lợi nhuận sau thuế                           | 60    |             | (24.808.617.847) | (18.215.001.448) |

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



ĐINH XUÂN HOÀNG  
Tổng Giám đốc

HOÀNG HỮU ĐIỀN  
Kế toán trưởng

TRẦN VĂN GIANG  
Người lập biểu



# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ riêng (phương pháp gián tiếp)  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| Chỉ tiêu                                                         | Mã số     | Thuyết minh | 2024                    | 2023<br>(trình bày lại) |
|------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                |           |             |                         |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                          | 01        |             | (24.808.617.847)        | (18.215.001.448)        |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>                              |           |             |                         |                         |
| Khấu hao tài sản cố định                                         | 02        | 6           | 17.021.106.858          | 17.039.437.968          |
| Các khoản dự phòng                                               | 03        |             | 17.697.182.506          | 24.839.620.053          |
| Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư                                    | 05        | 20          | (11.001.843.926)        | (27.265.807.665)        |
| Chi phí lãi vay                                                  | 06        | 21          | 37.991.261.235          | 44.933.870.077          |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08        |             | 36.899.088.826          | 41.332.118.985          |
| Thay đổi các khoản phải thu                                      | 09        |             | 230.940.515.959         | 76.849.561.535          |
| Thay đổi các khoản phải trả                                      | 11        |             | (194.437.526.132)       | (64.353.764.042)        |
| Thay đổi chi phí trả trước                                       | 12        |             | 320.496.524             | 1.115.933.957           |
| Tiền lãi vay đã trả                                              | 14        |             | (38.481.914.748)        | (50.801.669.274)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                | 15        |             | -                       | (71.409.064)            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>             | <b>20</b> |             | <b>35.240.660.429</b>   | <b>4.070.772.097</b>    |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                   |           |             |                         |                         |
| 1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác               | 21        |             | (257.360.000)           | -                       |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác          | 23        |             | -                       | (4.000.000.000)         |
| 3. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác               | 24        |             | 4.000.000.000           | -                       |
| 4. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                | 27        |             | 5.210.502               | 8.993.929.583           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                 | <b>30</b> |             | <b>3.747.850.502</b>    | <b>4.993.929.583</b>    |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>               |           |             |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                            | 33        | 3.1         | -                       | 126.990.546.414         |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay                                           | 34        | 3.2         | (38.500.000.000)        | (130.197.346.414)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>              | <b>40</b> |             | <b>(38.500.000.000)</b> | <b>(3.206.800.000)</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                           | <b>50</b> |             | <b>488.510.931</b>      | <b>5.857.901.680</b>    |
| <b>Tiền tồn đầu năm</b>                                          | <b>60</b> |             | <b>7.918.260.814</b>    | <b>2.060.359.134</b>    |
| <b>Tiền tồn cuối năm</b>                                         | <b>70</b> | <b>3</b>    | <b>8.406.771.745</b>    | <b>7.918.260.814</b>    |

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



ĐINH XUÂN HOÀNG  
Tổng Giám đốc

HOÀNG HỮU ĐIỀN  
Kế toán trưởng

TRẦN VĂN GIANG  
Người lập biểu

# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## 1. Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6101177237 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2014. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh Nội dung điều chỉnh

Lần 9 ngày 20 tháng 5 năm 2022

Thay đổi người đại diện pháp luật

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 284.904.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty hoạt động chủ yếu các trong lĩnh vực sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (thủy lợi);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác cát, đá và sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước và viễn thông).

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất điện.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, Công ty gồm trụ sở chính tại số 507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, 1 công ty con, 2 đơn vị trực thuộc và 3 công ty liên kết như sau:

### • Công ty con:

| TT | Tên công ty                            | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Địa chỉ                                                         |
|----|----------------------------------------|------------------|-------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1  | Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt | 98%              | 98%               | 98%                  | Số 507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum |

### • Công ty liên kết:

| TT | Tên công ty                                      | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Địa chỉ                                                                     |
|----|--------------------------------------------------|------------------|-------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng          | 31,18%           | 31,18%            | 31,18%               | Thôn 16, Xã Lộc Thành, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng                         |
| 2  | Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi | 38,40%           | 38,40%            | 38,40%               | Số 48, Tổ dân phố 6, Phường Thanh Bình, Thành phố Điện Biên, Tỉnh Điện Biên |
| 3  | Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen                 | 43%              | 43%               | 43%                  | Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, Phường 8, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên          |

### • Đơn vị trực thuộc:



# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| TT | Tên công ty                                                                   | Địa chỉ                                                                                     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam        | Thôn 2 xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam                                        |
| 2  | Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng | Tầng 4 tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng |

## 2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

### 2.3. Áp dụng Luật Kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

#### a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015 và Nghị định kèm theo số 174/2016/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

#### b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

### 2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

#### a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại quỹ của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi không kỳ hạn của Công ty tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 2.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| <u>Tài sản</u>            | <u>Số năm khấu hao</u> |
|---------------------------|------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc    | 20 - 36                |
| Máy móc và thiết bị       | 3 - 20                 |
| Phương tiện vận tải       | 6 - 10                 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 7                  |

### 2.7. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty là BCC chia lợi nhuận sau thuế: là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát. BCC cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

## **Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh**

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### **2.8. Các khoản đầu tư**

#### **a) Đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh**

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty liên kết, liên doanh sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư. Các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phần mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **b) Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn**

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### **2.9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay gồm:

- (a) Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- (b) Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- (c) Phần phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.



## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 2.10. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm:

- Công cụ dụng cụ;
- Chi phí sửa chữa nhà máy.

### 2.11. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

### 2.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

### 2.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

## **Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh**

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### **2.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### **a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo giá trị thực góp.

#### **b) Ghi nhận cổ tức**

Các cổ tức trả cho các cổ phần ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

### **2.15. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### **a) Doanh thu bán điện**

Doanh bán điện được xác định căn cứ vào hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

#### **b) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

#### **c) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

#### **d) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia**

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **2.16. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### **2.17. Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

### **2.18. Phân loại lại**

Một số khoản mục trong Báo cáo tài chính riêng năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với sự trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.



## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 3. Tiền

| Nội dung           | 31.12.2024           | 31.12.2023           |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt           | 18.695.867           | 67.156.540           |
| Tiền gửi ngân hàng | 8.388.075.878        | 7.851.104.274        |
|                    | <b>8.406.771.745</b> | <b>7.918.260.814</b> |

#### 3.1. Số tiền vay thực thu trong kỳ

| Nội dung                                    | 2024 | 2023            |
|---------------------------------------------|------|-----------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | -    | 126.990.546.414 |

#### 3.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

| Nội dung                                     | 2024           | 2023            |
|----------------------------------------------|----------------|-----------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 38.500.000.000 | 130.197.346.414 |

### 4. Phải thu của khách hàng

| Nội dung                            | 31.12.2024           | 31.12.2023           |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b> | <b>7.495.973.718</b> | <b>9.978.392.054</b> |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Trung    | 7.495.973.718        | 9.978.392.054        |
|                                     | <b>7.495.973.718</b> | <b>9.978.392.054</b> |

### 5. Các khoản phải thu khác

| Nội dung                                             | 31.12.2024         | 31.12.2023             |
|------------------------------------------------------|--------------------|------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                                      | <b>522.601.657</b> | <b>218.242.495.557</b> |
| Tạm ứng                                              | 522.601.657        | 500.606.516            |
| Ông Trần Văn Hải                                     | -                  | 9.146.990.411          |
| Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia - Số tiền hợp tác đầu tư | -                  | 183.110.000.000        |
| Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia - Lãi từ hợp tác đầu tư  | -                  | 25.484.898.630         |
| <b>Dài hạn</b>                                       | <b>53.747.965</b>  | <b>53.747.965</b>      |
| Ký cược, ký quỹ                                      | 53.747.965         | 53.747.965             |
|                                                      | <b>576.349.622</b> | <b>218.296.243.522</b> |

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 6. Chi phí trả trước ngắn hạn

| Nội dung                        | Số dư đầu năm      | Tăng trong năm     | Phân bổ trong năm    | Số dư cuối năm     |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ                | -                  | 16.827.273         | (6.959.091)          | 9.868.182          |
| Chi phí bảo hiểm rủi ro nhà máy | 66.924.634         | 301.297.047        | (311.408.513)        | 56.813.168         |
| Chi phí thuê văn phòng          | 91.536.366         | 326.899.091        | (322.145.455)        | 96.290.002         |
| Chi phí trả trước khác          | 10.000.000         | 283.256.841        | (123.828.421)        | 169.428.420        |
|                                 | <b>168.461.000</b> | <b>928.280.252</b> | <b>(764.341.480)</b> | <b>332.399.772</b> |

### 7. Tài sản cố định hữu hình

| Nội dung               | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị (trình bày lại) | Phương tiện vận tải  | Thiết bị, dụng cụ quản lý (trình bày lại) | Tổng cộng              |
|------------------------|------------------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                        |                                     |                      |                                           |                        |
| Số dư đầu năm          | 369.996.813.760        | 99.726.727.269                      | 3.685.550.375        | 1.008.280.714                             | 474.417.372.118        |
| Tăng trong năm         | -                      | 257.360.000                         | -                    | -                                         | 257.360.000            |
| <b>Số dư cuối năm</b>  | <b>369.996.813.760</b> | <b>99.984.087.269</b>               | <b>3.685.550.375</b> | <b>1.008.280.714</b>                      | <b>474.674.732.118</b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                        |                                     |                      |                                           |                        |
| Số dư đầu năm          | 163.784.751.566        | 64.681.221.813                      | 3.159.798.645        | 390.223.661                               | 232.015.995.685        |
| Tăng trong năm         | 12.055.835.808         | 4.583.132.345                       | 236.395.736          | 145.742.969                               | 17.021.106.858         |
| <b>Số dư cuối năm</b>  | <b>175.840.587.374</b> | <b>69.264.354.158</b>               | <b>3.396.194.381</b> | <b>535.966.630</b>                        | <b>249.037.102.543</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                        |                                     |                      |                                           |                        |
| Số dư đầu năm          | 206.212.062.194        | 35.045.505.456                      | 525.751.730          | 618.057.053                               | 242.401.376.433        |
| <b>Số dư cuối năm</b>  | <b>194.156.226.386</b> | <b>30.719.733.111</b>               | <b>289.355.994</b>   | <b>472.314.084</b>                        | <b>225.637.629.575</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay Công ty nhận được là 224.875.959.510 đồng (31.12.2023: 240.748.411.814 đồng).

Nguyên giá của số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang được sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.971.021.030 đồng (31.12.2023: 1.971.021.030 đồng).

### 8. Đầu tư vào công ty con

| Nội dung                               | Tỷ lệ sở hữu (%) | 31.12.2024             |          | 31.12.2023             |          |
|----------------------------------------|------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
|                                        |                  | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng |
| Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt | 98               | 234.220.000.000        | -        | 234.220.000.000        | -        |
|                                        |                  | <b>234.220.000.000</b> | <b>-</b> | <b>234.220.000.000</b> | <b>-</b> |

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100221010 với số vốn điều lệ là 239 tỷ đồng. Công ty đang hoạt động bình thường.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.



## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 9. Đầu tư vào công ty liên kết

| Nội dung                                             | Tỷ lệ sở hữu (%) | 31.12.2024             |                         | 31.12.2023             |                         |
|------------------------------------------------------|------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|                                                      |                  | Giá gốc                | Dự phòng                | Giá gốc                | Dự phòng                |
| Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng (1)          | 31,18            | 85.800.000.000         | (20.814.475.119)        | 85.800.000.000         | (7.984.792.914)         |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi (2) | 38,40            | 52.800.000.000         | (32.549.333.935)        | 52.800.000.000         | (27.730.969.203)        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen (3)          | 43,00            | 77.400.000.000         | (1.944.889.382)         | 77.400.000.000         | (1.895.753.813)         |
|                                                      |                  | <b>216.000.000.000</b> | <b>(55.308.698.436)</b> | <b>216.000.000.000</b> | <b>(37.611.515.930)</b> |

- (1) Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800698745 với số vốn điều lệ là 172 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện Đại Bình ở xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Công ty đang hoạt động bình thường.
- (2) Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5600201638 với số vốn điều lệ là 125 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện Huổi Vang ở xã Mường Mơn, huyện Mường Chá, tỉnh Điện Biên. Công ty đang hoạt động bình thường.
- (3) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2023/HĐCN-ĐĐ-TTE ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa Công ty và ông Trần Văn Hải, Công ty nhận chuyển nhượng 3.870.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với giá chuyển nhượng 20.000 đồng/cổ phần, có tổng giá trị chuyển nhượng là 77,4 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400998975 với số vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện ở xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Công ty đang hoạt động bình thường.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

| Nội dung                 | Số dư đầu năm        | Tăng trong năm       | Giảm/Phân bổ trong năm | Số dư cuối năm       |
|--------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| Công cụ dụng cụ          | 297.209.540          | 90.572.881           | (204.177.129)          | 183.605.292          |
| Chi phí sửa chữa nhà máy | 2.491.361.882        | 604.292.927          | (1.453.254.828)        | 1.642.399.981        |
| Khác                     | -                    | 478.130.853          | -                      | 478.130.853          |
|                          | <b>2.788.571.422</b> | <b>1.172.996.661</b> | <b>(1.657.431.957)</b> | <b>2.304.136.126</b> |

### 11. Phải trả người bán

| Nội dung                                                | 31.12.2024           | 31.12.2023           |
|---------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>                      | <b>3.030.656.730</b> | <b>2.616.455.781</b> |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia Việt Nam           | 2.598.400.000        | 2.598.400.000        |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Năng lượng TKC          | 151.761.600          | -                    |
| Công ty TNHH Xây lắp và Dịch vụ Kỹ thuật Việt - Tâm Tín | 159.300.000          | -                    |
| Khác                                                    | 121.195.130          | 18.055.781           |
|                                                         | <b>3.030.656.730</b> | <b>2.616.455.781</b> |

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 12. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

| Nội dung                                            | Số dư<br>đầu năm | Tăng<br>trong năm | Giảm/Đã nộp<br>trong năm | Số dư<br>cuối năm |
|-----------------------------------------------------|------------------|-------------------|--------------------------|-------------------|
| <b>Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ</b> |                  |                   |                          |                   |
| Thuế giá trị gia tăng đầu vào                       | -                | 329.834.031       | (329.834.031)            | -                 |
|                                                     | -                | 329.834.031       | (329.834.031)            | -                 |
| <b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>          |                  |                   |                          |                   |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                          | 2.455.637.770    | 5.112.661.832     | (5.712.163.840)          | 1.856.135.762     |
| Thuế thu nhập cá nhân                               | 23.072.899       | 213.870.064       | (220.705.986)            | 16.236.977        |
| Thuế tài nguyên                                     | 1.501.678.415    | 5.161.728.184     | (6.096.682.084)          | 566.724.515       |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                          | 1                | -                 | 1                        | -                 |
| Thuế môn bài                                        | -                | 4.000.000         | (4.000.000)              | -                 |
| Các loại thuế khác                                  | 1.366.182.592    | 2.474.870.756     | (2.551.055.324)          | 1.289.998.024     |
|                                                     | 5.346.571.677    | 12.986.607.052    | (14.604.083.451)         | 3.729.095.278     |

#### 12.1. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### 12.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là mức 20%.

Thuế suất 10% là cho hoạt động kinh doanh của nhà máy Thủy điện Đăk Ne: Do Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (Tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát và nhà máy Thủy điện Đăk Ne được bàn giao lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh vận hành, theo quy định tại Khoản 3, Điều 20, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ nhà máy thủy điện Đăk Ne được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại của Công ty Cổ phần Tấn Phát cụ thể: Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014.



## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

| Nội dung                                                                                                          | 2024             | 2023<br>(trình bày lại) |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------|
| Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế                                                                                   | (24.808.617.847) | (18.215.001.448)        |
| Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)                                                                   | 974.445.140      | 1.123.564.983           |
| Các khoản điều chỉnh tăng                                                                                         | 974.445.140      | 610.489.899             |
| Chi phí không được trừ                                                                                            | 518.445.140      | 154.489.899             |
| Chi phí không được trừ theo Quyết định 1648/QĐ-<br>XPHC ngày 19/12/2024 cho năm 2023 của Cục<br>thuế tỉnh Kon Tum | -                | 513.075.084             |
| Thủ lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành                                                                   | 456.000.000      | 456.000.000             |
| Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế                                                                              | (23.834.172.707) | (17.091.436.465)        |
| Thu nhập tính thuế năm hiện hành                                                                                  | (23.834.172.707) | (17.091.436.465)        |
| Thu nhập theo thuế suất thông thường                                                                              | (6.926.606.307)  | (5.611.779.923)         |
| Thu nhập được ưu đãi thuế                                                                                         | (16.907.566.400) | (11.479.656.542)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả trong năm                                                                 | -                | -                       |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả đầu năm                                                                   | 1                | 363.474.303             |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước                                                                 | (1)              | (292.065.238)           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm                                                                       | -                | (71.409.064)            |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả cuối năm                                                                  | -                | 1                       |

### b) Chuyển lỗ từ các kỳ trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Giá trị thực tế của khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển còn tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và sự chấp thuận của cơ quan thuế. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản lỗ lũy kế của Công ty có thể được bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai như sau:

| Năm<br>phát sinh | Tình trạng<br>quyết toán | Lỗ tính thuế   | Đã chuyển lỗ<br>đến ngày<br>31.12.2024 | Số lỗ không<br>được chuyển | Số lỗ chưa<br>chuyển tại ngày<br>31.12.2024 (*) |
|------------------|--------------------------|----------------|----------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|
| 2023             | Đã quyết toán            | 17.091.436.465 | -                                      | -                          | 17.091.436.465                                  |
| 2024             | Chưa quyết toán          | 23.834.172.707 | -                                      | -                          | 23.834.172.707                                  |
|                  |                          | 40.925.609.172 | -                                      | -                          | 40.925.609.172                                  |

\*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ này do Công ty thấy không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận trong tương lai mà từ đó Công ty có thể sử dụng được các lợi ích qua việc bù trừ với các khoản lỗ này.

### 12.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 13. Chi phí phải trả

| Nội dung                     | 31.12.2024           | 31.12.2023           |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>              | <b>8.300.020.822</b> | <b>8.790.674.335</b> |
| Chi phí lãi vay              | 5.701.020.822        | 6.191.674.335        |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 2.599.000.000        | 2.599.000.000        |
|                              | <b>8.300.020.822</b> | <b>8.790.674.335</b> |

### 14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

| Nội dung                         | 31.12.2024            | 31.12.2023<br>(trình bày lại) |
|----------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                  | <b>30.142.910.136</b> | <b>49.136.405.479</b>         |
| Phải trả tiền lãi hợp tác đầu tư | 21.613.030.136        | 16.325.205.479                |
| Ông Bùi Xuân Huy (*)             | 21.613.030.136        | 16.325.205.479                |
| Các khoản khác                   | 8.529.880.000         | 32.811.200.000                |
| Bà Đoàn Thị Ngọc Thu (**)        | 8.479.880.000         | 31.213.200.000                |
| Ông Trần Văn Hải                 | -                     | 1.548.000.000                 |
| Phải trả đối tượng khác          | 50.000.000            | 50.000.000                    |
| <b>Dài hạn</b>                   | <b>-</b>              | <b>176.100.000.000</b>        |
| Ông Bùi Xuân Huy (*)             | -                     | 176.100.000.000               |
|                                  | <b>30.142.910.136</b> | <b>225.236.405.479</b>        |

(\*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 6 tháng 4 năm 2022 giữa ông Bùi Xuân Huy và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, thực hiện đầu tư phát triển mới hoặc hợp tác với các đối tác để phát triển dự án có hiệu quả kinh tế nhằm mục đích sinh lợi, tổng giá trị đầu tư là 250 tỷ đồng. Theo thỏa thuận số 06.04/2022, xác định mức lãi suất cố định là 4%/năm dựa theo vốn góp thực tế, thời hạn thanh toán 6 tháng kể từ ngày ký xác nhận công nợ. Ông Bùi Xuân Huy đã rút một phần vốn hợp tác đầu tư theo Biên bản thỏa thuận số 01/BBTT/BXH-TTE ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Biên bản thỏa thuận số 17/BBTT/BXH-TTE ngày 8 tháng 12 năm 2023. Đến thời điểm của báo cáo này, khoản vốn hợp tác đầu tư này đã được chi trả hết theo Ủy nhiệm chi số BNVAB-6 ngày 4/10/2024. Hiện chỉ còn khoản lãi từ hợp đồng này hiện Công ty chưa chi trả cho ông Bùi Xuân Huy. Theo biên bản thỏa thuận 01/BBTT/BXH-TTE ngày 30 tháng 9 năm 2024 thì hai bên thống nhất số tiền lợi nhuận phát sinh từ Hợp đồng trên tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 21.613.030.137 đồng và không áp dụng lãi suất đối với số tiền này trong thời gian chậm thanh toán. Thời gian thanh toán tiền lãi sẽ được hai bên thống nhất thỏa thuận và ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng.

(\*\*) Theo các hợp đồng mượn tiền giữa bà Đoàn Thị Ngọc Thu và Công ty để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Hợp đồng số 02/2024/HĐMT/TTE-NT ngày 10/4/2024 với số tiền là 7.000.000.000 đồng, thời hạn mượn tiền là 6 tháng và không có lãi suất. Hợp đồng này được gia hạn thêm 3 tháng theo Phụ lục hợp đồng số 01/2024/PLHĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024.
- Hợp đồng số 03/2024/HĐMT/TTE-NT ngày 2/5/2024 với số tiền là 5.000.000.000 đồng, thời hạn mượn tiền là 6 tháng và không có lãi suất. Hợp đồng này được gia hạn thêm 3 tháng theo Phụ lục hợp đồng số 02/2024/PLHĐ ngày 2 tháng 11 năm 2024.



## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 15. Vay và nợ thuê tài chính

| Nội dung                 | 31.12.2024             | 31.12.2023<br>(trình bày lại) |
|--------------------------|------------------------|-------------------------------|
| <b>Vay ngắn hạn</b>      | <b>35.800.000.000</b>  | <b>284.293.567.680</b>        |
| Vay ngân hàng            | 35.800.000.000         | 36.200.000.000                |
| Trái phiếu phát hành (*) | -                      | 248.093.567.680               |
| <b>Vay dài hạn</b>       | <b>307.300.000.000</b> | <b>95.500.000.000</b>         |
| Vay ngân hàng            | 59.700.000.000         | 95.500.000.000                |
| Trái phiếu phát hành     | 247.600.000.000        | -                             |
|                          | <b>343.100.000.000</b> | <b>379.793.567.680</b>        |

(\*) Trình bày lại từ dài hạn sang ngắn hạn do số trái phiếu này sẽ đáo hạn trong năm 2024, theo Công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 18/2024/TB-TTE ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Công ty.

#### 15.1. Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

| Nội dung                                                                        | Kỳ hạn<br>vay<br>(tháng) | Thời hạn<br>trả nợ | Lãi suất<br>(%/năm) | Hình thức<br>đảm bảo | Số dư<br>31.12.2024    |
|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|---------------------|----------------------|------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                                                                 |                          |                    |                     |                      | <b>35.800.000.000</b>  |
| <b>Vay ngân hàng</b>                                                            |                          |                    |                     |                      | <b>35.800.000.000</b>  |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và<br>Phát triển Nông thôn Việt Nam -<br>CN Kon Tum (1) | 12                       | 31/12/2025         | 8,5                 | Thế chấp             | 7.800.000.000          |
| - Ngân hàng TMCP Phương<br>Đông - CN Gia Định (2)                               | 12                       | 5/12/2025          | 10,4                | Thế chấp             | 28.000.000.000         |
| <b>Dài hạn</b>                                                                  |                          |                    |                     |                      | <b>307.300.000.000</b> |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và<br>Phát triển Nông thôn Việt Nam -<br>CN Kon Tum (1) | 144                      | 31/12/2028         | 8,5                 | Thế chấp             | 28.100.000.000         |
| - Ngân hàng TMCP Phương Đông<br>- CN Gia Định (2)                               | 144                      | 31/12/2026         | 10,4                | Thế chấp             | 31.600.000.000         |
| - Trái phiếu phát hành (3)                                                      | 24                       | 19/10/2026         | 11,00               | Tài sản<br>đảm bảo   | 247.600.000.000        |
|                                                                                 |                          |                    |                     |                      | <b>343.100.000.000</b> |

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016, số tiền vay là 74 tỷ đồng, thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016. Lãi suất vay thả nổi, được điều chỉnh tối đa 3 tháng/lần. Tài sản thế chấp của khoản vay là Công trình nhà máy thủy điện Tà Vi. Kỳ hạn trả nợ gốc là 6 tháng/lần.

(2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 031-14/HĐTDH/SĐBS-02 ngày 9/6/2023 và Hợp đồng mua, bán nợ số 01/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 8/6/2023 chuyển khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) - Chi nhánh Đà Nẵng (theo hợp đồng tín dụng số 031- 14/HĐTDH ngày 31/12/2014) sang Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định. Giá trị khoản vay chuyển sang là 93 tỷ đồng. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 31/12/2014). Mục đích vay là tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đắk Ne. Lãi suất vay được điều chỉnh từng lần theo thông báo của ngân hàng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là Nhà máy thủy điện Đắk Ne, công suất 8,1 MW và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và EVN. Kỳ hạn trả nợ gốc là 1 tháng/lần.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- (3) Theo hợp đồng dịch vụ phát hành trái phiếu riêng lẻ số 510/2021/HDĐL/NSI-TTE ngày 5/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, theo báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 27/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021:

Mã trái phiếu: TTEH2124001 (mã giao dịch: TTE12101), số lượng trái phiếu chào bán: 2.500 trái phiếu, số lượng trái phiếu phát hành thành công là 2.499 trái phiếu; mệnh giá trái phiếu là 100.000.000 đồng/trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 19/10/2021) đến ngày đáo hạn (ngày 19/10/2024) với lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực tế phát hành là 11%/năm, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng; hình thức phát hành trái phiếu là chào bán riêng lẻ, phương thức phát hành là đại lý phát hành; loại chứng khoán là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản; tổ chức tư vấn, đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia. Tài sản đảm bảo là 15 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt có giá trị là 442,5 tỷ đồng. Đại lý quản lý tài sản đảm bảo là Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đà Nẵng.

Theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần 2 ngày 15/11/2024 của Tổng Công ty Lưu ký Chứng khoán Việt Nam: Mã trái phiếu: TTEH2124001 (mã giao dịch: TTE12101), số lượng trái phiếu chào bán: 2.476 trái phiếu, số lượng trái phiếu phát hành thành công là 2.476 trái phiếu; mệnh giá trái phiếu là 100.000.000 đồng/trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 24 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 19/10/2024) đến ngày đáo hạn (ngày 19/10/2026) với lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực tế phát hành là 11%/năm, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng.

Mục đích phát hành trái phiếu là:

- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 38,4% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang Thành Bưởi với tổng giá trị là 52.800.000.000 VND.
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 43% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với tổng giá trị là 77.400.000.000 VND.
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 31,18% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy với tổng giá trị là 85.800.000.000 VND.
- Thực hiện đầu tư vào Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt với số tiền là 25.500.000.000 VND và tái cơ cấu khoản vay với số tiền là 8.500.000.000 VND.



## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### 16.1. Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

| Nội dung         | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng        |
|------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------|
| Số dư 31.12.2022 | 284.904.000.000           | -                     | 9.804.791.472            | 294.708.791.472  |
| Lỗi trong năm    | -                         | -                     | (18.215.001.448)         | (18.215.001.448) |
| Chia các quỹ     | -                         | 32.187.286            | (64.374.572)             | (32.187.286)     |
| Điều chỉnh khác  | -                         | -                     | 292.065.238              | 292.065.238      |
| Số dư 31.12.2023 | 284.904.000.000           | 32.187.286            | (8.182.519.310)          | 276.753.667.976  |
| Lỗi trong năm    | -                         | -                     | (24.808.617.847)         | (24.808.617.847) |
| Số dư 31.12.2024 | 284.904.000.000           | 32.187.286            | (32.991.137.157)         | 251.945.050.129  |

#### 16.2. Chi tiết vốn cổ phần:

| Cổ đông               | 31.12.2024      |                    |                    | 31.12.2023      |                    |                    |
|-----------------------|-----------------|--------------------|--------------------|-----------------|--------------------|--------------------|
|                       | Tổng số         | Vốn cổ phần thường | Vốn cổ phần ưu đãi | Tổng số         | Vốn cổ phần thường | Vốn cổ phần ưu đãi |
| Bà Lê Thị Hạnh        | 22.889.000.000  | 22.889.000.000     | -                  | 22.889.000.000  | 22.889.000.000     | -                  |
| Bà Nguyễn Thu Hằng    | 13.675.000.000  | 13.675.000.000     | -                  | 13.675.000.000  | 13.675.000.000     | -                  |
| Ông Nguyễn Việt Anh   | -               | -                  | -                  | 13.900.000.000  | 13.900.000.000     | -                  |
| Bà Đào Thị Phương Mai | 13.950.000.000  | 13.950.000.000     | -                  | -               | -                  | -                  |
| Các cổ đông khác      | 234.390.000.000 | 234.390.000.000    | -                  | 234.440.000.000 | 234.440.000.000    | -                  |
|                       | 284.904.000.000 | 284.904.000.000    | -                  | 284.904.000.000 | 284.904.000.000    | -                  |

#### 16.3. Cổ phần:

| Nội dung                           | 31.12.2024 | 31.12.2023 |
|------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phần đăng ký phát hành | 28.490.400 | 28.490.400 |
| Số lượng cổ phần đã phát hành      | 28.490.400 | 28.490.400 |
| Cổ phần thường                     | 28.490.400 | 28.490.400 |
| Cổ phần ưu đãi                     | -          | -          |
| Số lượng cổ phần mua lại           | -          | -          |
| Cổ phần thường                     | -          | -          |
| Cổ phần ưu đãi                     | -          | -          |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành     | 28.490.400 | 28.490.400 |
| Cổ phần thường                     | 28.490.400 | 28.490.400 |
| Cổ phần ưu đãi                     | -          | -          |

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 17. Doanh thu

| Nội dung                 | 2024                  | 2023                  |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhà máy thủy điện Đắk Ne | 44.349.323.668        | 50.163.496.026        |
| Nhà máy thủy điện Tà Vi  | 11.922.350.301        | 14.139.720.337        |
|                          | <b>56.271.673.969</b> | <b>64.303.216.363</b> |

Trong đó:

| Nội dung                       | 2024                  | 2023                  |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu đối với các bên khác | 56.271.673.969        | 64.303.216.363        |
|                                | <b>56.271.673.969</b> | <b>64.303.216.363</b> |

### 18. Giá vốn hàng bán

| Nội dung                 | 2024                  | 2023                  |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhà máy thủy điện Đắk Ne | 18.159.910.530        | 17.915.206.006        |
| Nhà máy thủy điện Tà vi  | 6.553.837.666         | 6.373.719.370         |
|                          | <b>24.713.748.196</b> | <b>24.288.925.376</b> |

### 19. Chi phí sản xuất theo yếu tố

| Nội dung                    | 2024                  | 2023                  |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân công trực tiếp | 4.077.008.271         | 6.502.329.527         |
| Chi phí dụng cụ sản xuất    | 111.140.500           | 112.868.717           |
| Chi phí khấu hao            | 17.021.106.858        | 17.039.437.968        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài   | 2.084.056.543         | 2.092.022.317         |
| Thuế, phí và lệ phí         | 157.186.008           | 22.282.477            |
| Chi phí khác                | 1.263.250.016         | 3.093.367.178         |
|                             | <b>24.713.748.196</b> | <b>28.862.308.238</b> |

### 20. Doanh thu hoạt động tài chính

| Nội dung                      | 2024                  | 2023                  |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi                  | 5.210.502             | 19.295.030            |
| Lãi từ hợp tác kinh doanh     | 10.996.633.424        | 17.765.012.635        |
| Lãi phải thu ông Trần Văn Hải | -                     | 9.481.500.000         |
|                               | <b>11.001.843.926</b> | <b>27.265.807.665</b> |

### 21. Chi phí tài chính

| Nội dung                                 | 2024                  | 2023                  |
|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                          | 37.991.261.235        | 44.933.870.077        |
| Chi phí phát hành trái phiếu             | 1.806.432.320         | 2.265.800.004         |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính       | 17.697.182.506        | 24.839.620.053        |
| Lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh | 5.287.824.657         | 8.927.945.205         |
|                                          | <b>62.782.700.718</b> | <b>80.967.235.339</b> |



## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| Nội dung                  | 2024                 | 2023                 |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 2.421.865.717        | 2.560.550.322        |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 10.671.442           | 26.438.717           |
| Thuế, phí và lệ phí       | 15.923.675           | 22.282.477           |
| Chi phí khác              | 1.619.225.627        | 1.964.111.346        |
|                           | <b>4.067.686.461</b> | <b>4.573.382.862</b> |

### 23. Chi phí khác

| Nội dung       | 2024               | 2023               |
|----------------|--------------------|--------------------|
| Các khoản phạt | 507.660.387        | 154.489.899        |
| Chi phí khác   | 10.784.753         | -                  |
|                | <b>518.445.140</b> | <b>154.489.899</b> |

### 24. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

#### 24.1. Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan      | Mối quan hệ                           | Nội dung giao dịch      | Giá trị       |               |
|--------------------|---------------------------------------|-------------------------|---------------|---------------|
|                    |                                       |                         | 2024          | 2023          |
| Ông Trần Văn Hải   | Thành viên hội đồng quản trị          | Thu tiền lãi            | 9.146.990.411 | 1.900.000.000 |
|                    |                                       | Lãi phải thu            | -             | 4.701.784.932 |
|                    |                                       | Trả tiền cổ phần đã bán | 1.548.000.000 | -             |
| Ông Hoàng Hữu Điền | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng | Tạm ứng                 | 43.000.000    | 5.700.000.000 |
|                    |                                       | Hoàn ứng                | -             | 6.504.500.000 |

#### 24.2. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan      | Mối quan hệ                           | Nội dung giao dịch | Giá trị    |               |
|--------------------|---------------------------------------|--------------------|------------|---------------|
|                    |                                       |                    | 31.12.2024 | 31.12.2023    |
| Phải thu khác      |                                       |                    |            |               |
| Ông Trần Văn Hải   | Thành viên hội đồng quản trị          | Thu tiền lãi       | -          | 9.146.990.411 |
| Tạm ứng            |                                       |                    |            |               |
| Ông Hoàng Hữu Điền | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng | Tạm ứng            | 99.483.336 | 56.483.336    |
| Phải trả khác      |                                       |                    |            |               |
| Ông Trần Văn Hải   | Thành viên hội đồng quản trị          | Bán cổ phần        | -          | 1.548.000.000 |

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 24.3. Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

| Nội dung            | Chức danh                          | 2024                 | 2023                 |
|---------------------|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Phương Thừa Vũ  | Chủ tịch hội đồng quản trị         | 120.000.000          | 120.000.000          |
| Bà Lê Thị Thu Hường | Thành viên hội đồng quản trị       | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Ông Trần Văn Hải    | Thành viên hội đồng quản trị       | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Ông Đinh Xuân Hoàng | Tổng Giám đốc                      | 120.000.000          | 127.185.433          |
| Ông Nguyễn Văn Quân | Phó Tổng Giám đốc                  | 133.500.000          | 134.500.000          |
| Ông Hoàng Hữu Điền  | Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng | 435.300.000          | 435.300.000          |
| Ông Hoàng Minh Sang | Trưởng ban Kiểm soát               | 84.000.000           | 84.000.000           |
| Bà Lê Thị Hạnh      | Thành viên Ban kiểm soát           | 36.000.000           | 36.000.000           |
| Bà Phạm Thị Ngân    | Thành viên Ban kiểm soát           | 36.000.000           | 36.000.000           |
|                     |                                    | <b>1.084.800.000</b> | <b>1.092.985.433</b> |

### 25. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt tài sản ngắn hạn là khoảng 63,7 tỷ đồng, kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty lỗ 24,8 tỷ đồng, điều này làm cho tổng lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 33 tỷ đồng. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì:

- Nguồn thu ổn định từ hoạt động phát điện do nhu cầu tiêu thụ điện năng cao và hợp đồng mua bán điện dài hạn.
- Chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với ngành năng lượng tái tạo, bao gồm cơ chế giá điện và ưu đãi về thuế, vốn vay.
- Kế hoạch tái cơ cấu tài chính nhằm cải thiện dòng tiền, giảm nợ ngắn hạn và tối ưu hóa chi phí hoạt động.

Nhờ những yếu tố này, Công ty kỳ vọng có thể tiếp tục hoạt động trong tương lai gần và từng bước cải thiện tình hình tài chính.

### 26. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2025.



ĐINH XUÂN HOÀNG  
Tổng Giám đốc

HOÀNG HỮU ĐIỀN  
Kế toán trưởng

TRẦN VĂN GIANG  
Người lập biểu